

BÀI DỰ THI

TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2016



BÀI DỰ THI

TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2016

- Họ và tên: Trần Anh Kiệt
- Lớp: 6/7 Số: 0906.883.817 SĐT trường: 0613.860.558
- Trường: Trung học cơ sở Lê Quý Đôn
- Huyện Vĩnh Cửu - Tỉnh : Đồng Nai
- Đại chỉ Email học sinh: trananhhuynh@moet.edu.vn
- Địa chỉ Email trường : thcslequydonvc@gmail.com

BÀI DỰ THI

“TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2016”

Câu 1: Hãy nêu tiểu sử nhân vật được chọn đặt tên đường tại địa phương phường, xã nơi bạn đang ở. Những hành động, đức tính nào của nhân vật bạn cần học tập làm theo.

Ngày đầu tiên đến trường – đó là một ngày nắng ấm, khí trời dịu mát, theo sự thông báo của nhà trường, em đã chuẩn bị đủ tất cả mọi thứ nào là quần áo, giày dép, tập sách,...Nhưng lòng em vẫn cứ xôn xao khó tả. Bởi trước mắt em lúc này là một khung trời mới: bạn bè, thầy cô, trường lớp,... đều mới tinh. Năm nay, em đã bước vào ngưỡng cửa của cấp hai – một chân trời hoàn toàn mới lạ. Ngôi trường em học rất khang trang, và không gian thoáng đãng. Mỗi ngày đạp xe đến trường em đều đi qua con đường mới rợp bóng cây xanh mát đã trở nên quen thuộc đối với em. Hôm nay, khi được thông báo có cuộc thi Tìm hiểu giá trị Văn hóa Lịch sử Đồng Nai mà câu hỏi lại yêu cầu tìm hiểu về Lịch sử tên đường. Em đã có quyết tâm sẽ tìm hiểu về người anh hùng được đặt tên đường mà mỗi ngày tôi đến trường.



Tiểu sử anh hùng Nguyễn Trung Trực

❖ Cuộc đời

Sinh ra dưới thời Minh Mạng, thuở nhỏ ông có tên là Chơn. Từ năm Kỷ Mùi (1859) đổi là Lịch (Nguyễn Văn Lịch, nên còn được gọi là Năm Lịch), và cũng từ tên Chơn ấy cộng với tính tình ngay thật, nên ông được thầy dạy học đặt thêm tên hiệu là Trung Trực.



(Tượng Nguyễn Trung Trực tại sân đền thờ chính ở Thành phố Rạch Giá.)

Nguyên quán gốc Nguyễn Trung Trực ở xóm Lưới, thôn Vĩnh Hội, tổng Trung An, huyện Phù Cát, trấn Bình Định (ngày nay là thôn Vĩnh Hội, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định). Ông nội là Nguyễn Văn Đạo, cha là Nguyễn Văn Phụng (hoặc Nguyễn Cao Thăng), mẹ là bà Lê Kim Hồng.

Sau khi hải quân Pháp nhiều lần bắn phá duyên hải Trung Bộ, gia đình ông phải phiêu bạt vào Nam, định cư ở xóm Nghê (một xóm trước đây chuyên nghề chài lưới), làng Bình Nhựt, tổng Cửu Cư Hạ, huyện Cửu An, Phủ Tân An (nay thuộc xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) và sinh sống bằng nghề chài lưới vùng hạ lưu sông Vàm Cỏ. Không rõ năm nào, lại dời lần nữa xuống làng Tân Thuận, tổng An Xuyên.(nay là xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau).

Ông là con trưởng trong một gia đình có 8 người con. Lúc nhỏ, ông rất hiếu động, thích học võ nên khi lớn lên ông là người có thể lực khỏe mạnh, giỏi võ nghệ và là người có nhiều can đảm, mưu lược.

Tương truyền, Nguyễn Trung Trực rất có hiếu với mẹ. Là con trưởng, hàng ngày ông phải đi đánh bắt cá để có tiền phụ giúp gia đình. Theo sách Hỏi đáp cuộc khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực, lúc ông đến ở Tà Niên, chuẩn bị tấn công đồn Kiên Giang, ông đã đưa mẹ đến ẩn náu ở nhà ông Dương Công Thuyên ở chợ Rạch Giá. Đến khi rút Hòn Chông, ông cũng đưa mẹ đi theo. Chỉ đến khi vượt biển ra đảo Phú Quốc, ông mới đành phải để mẹ ở lại.

Không bắt được ông, thực dân Pháp đã sai người bắt mẹ ông, rồi tìm mọi cách để bà viết thư khuyên con ra hàng, nhưng bà không nghe. Về sau, biết tin con ra hàng, bà tức giận thổ huyết mà chết. Nhưng có người lại nói rằng mẹ ông không bị quân Pháp bắt. Đây là chuyện bịa để buộc ông vì chữ hiếu mà ra hàng. Lúc Pháp tấn công Hòn Chông, thì bà đã đi lánh nạn ở đâu không rõ. Nhưng sau đó bà về ẩn náu ở Tân Thuận (nay là xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau) rồi mất ở đó.

Cũng theo sách này, cha Nguyễn Trung Trực mất sớm, bỏ lại 8 người con khiến mẹ ông phải sớm hôm tảo tần vất vả. Nhưng theo câu chuyện còn lưu lại trong họ tộc cha ông Trực không mất sớm. Bởi sau khi Nguyễn Trung Trực bị bắt ở Phú Quốc, ông vẫn còn sống để đưa gia đình mình và gia đình của các nghĩa quân xuống ghe về ẩn náu ở Cà Mau. Khi chồng đi, bà Tô Kim Hồng (sách Hỏi đáp cuộc khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ghi là Lê Kim Hồng, tức mẹ ông Trực), vẫn còn ở lại Hòn Chông, trong sự quản thúc của chính quyền thực dân và bà đã mất ở đó. Mãi sau này hài cốt của bà mới được cải táng về nằm bên cạnh chồng ở Cà Mau. Hiện nay, hậu duệ của dòng họ Nguyễn Trung Trực đông đúc cả ngàn người, sống rải rác ở khắp nơi, nhưng tập trung đông nhất là ở hai xã Tân Đức và Tân Tiến, huyện Đầm Dơi.

Cũng theo lời kể thì ông có người vợ tên Điều (tục gọi là bà Đỏ. Có nguồn cho rằng bà Điều và bà Đỏ là hai chị em ruột chứ không phải một người), người làng Minh Lương (nay thuộc huyện Châu Thành, Kiên Giang). Bà Điều là người đã từng theo sát ông trong suốt thời gian chống Pháp ở Kiên Giang. Có lần bà đi do thám đồn Săn Đá ở Rạch Giá, bị đối phương bắt được, nhưng Nguyễn Trung Trực đến giải cứu kịp. Sau, bà bị bắt lần nữa, bị nhốt trong khám lớn Rạch Giá, mãi đến khi ông Trực đánh chiếm đồn bót trên (1868) mới giải thoát cho bà. Chưa rõ hai người có con hay không, bà đã hy sinh ở đâu và lúc nào.

Khi ở đảo Phú Quốc, ông có thêm một vợ tên là Lê Kim Định (tục gọi bà Quan Lớn Tướng), sinh được một trai nhưng chết non. Hiện còn mộ và đền thờ của bà ở Cửa Cạn (Phú Quốc)...Theo lời kể, thì khi nghĩa quân bị vây khốn vào năm 1968, bà Định đã dùng ghe theo dòng sông Cửa Cạn để ra biển về đất liền. Nhưng chẳng may gặp đoạn sông bị cát lấp, ghe của bà bị mắc lại, không đi được. Kiệt sức, bà sinh non trong một đêm mưa bão, và rồi bị băng huyết mà chết. Hai nhi sinh non cũng chết theo. Có người tìm gặp cả hai thi hài, đem giấu vào một bọng cây. Đến khi yên ổn, người dân mới đem hài cốt hai mẹ con bà chôn cất tử tế tại bãi Ông Lang. Mộ bà được gọi là mộ Bà Lớn.

Trong biên bản hỏi cung khi Nguyễn Trung Trực bị giam ở Khám Lớn Sài Gòn, có câu:...Số phận tôi đã đầy đủ, tôi đã không thành công trong việc cứu nguy nước tôi, tôi chỉ xin một điều là người ta kết liễu đời tôi càng sớm càng tốt và mong rằng người ta cho những đứa con của tôi lên Sài Gòn. Nếu căn cứ vào câu này, thì ông có ít nhất hai ba đứa con, nhưng cuộc đời của họ sau này ra sao, không thấy tài liệu nào nói đến.

❖ **Làm Quân cơ**

Tháng 2 năm 1859 Pháp nổ súng tấn công thành Gia Định. Vốn xuất thân là dân chài, nằm trong hệ thống lính đồn điền của kinh lược Nguyễn Tri Phương, nên ông sốt sắng theo và còn chiêu mộ được một số nông dân vào lính để gìn giữ Đại đồn Chí Hòa, dưới quyền chỉ huy của Trương Định.

Tháng 2 năm 1859, Pháp nổ súng tấn công thành Gia Định. Vốn xuất thân là dân chài, nằm trong hệ thống lính đồn điền của kinh lược Nguyễn Tri Phương, nên ông sốt sắng theo và còn chiêu mộ được một số nông dân hưởng ứng để giữ đại đồn Chí Hòa, dưới quyền chỉ huy của Trương Định. Năm 1861, nhờ lập được công lao, nên ông được triều đình phong chức Quyền sung Quản binh đạo huyện Cửu An - phủ Tân An nên còn được gọi là Quản Chơn hay Quản Lịch. Nghĩa quân dưới quyền lãnh đạo của ông gồm một số nhà yêu nước: Nguyễn Hiền Điều (tức Phó Cơ Điều), Nguyễn Học, hương thân Hồ Quang v.v... Ông chỉ huy nghĩa quân chủ động chặn đánh quân Pháp di chuyển trên sông - từ Sài Gòn xuống đánh Định Tường; tại Vũng Gù ngày 10-4-1861, nghĩa quân của ông giết chết tên trung tá Búc-đê (Bourdais) và 30 lính Pháp.

Trong sự nghiệp kháng thực dân Pháp của ông, có hai chiến công nổi bật, đã được danh sĩ Huỳnh Mẫn Đạt khen ngợi bằng hai câu thơ sau:

*Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa
Kiếm bạt Kiên Giang khắp quỷ thần.*

Thái Bạch dịch:

*Sông Nhật Tảo lửa hồng rực cháy, tiếng vang trời đất,
Đòn Kiên Giang lưỡi kiếm tuốt ra, quỷ thần sợ khóc.*

❖ **Hỏa hồng Nhật Tảo: Trận Nhật Tảo**

Sau khi Đại đồn Chí Hòa thất thủ ngày 25 tháng 2 năm 1861, Nguyễn Trung Trực về Tân An. Đến ngày 12 tháng 4 năm 1861, thành Định Tường thất thủ, quân Pháp kiểm soát vùng Mỹ Tho, thường cho những tàu chiến vừa chạy tuần tra vừa làm đồn nổi di động. Một trong số đó là chiếc tiểu hạm L'Espérance (Hy Vọng), án ngữ nơi vàm Nhựt Tảo (nay thuộc xã An Nhựt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An).

Vào khoảng sáng ngày 10 tháng 12 năm 1861, Nguyễn Trung Trực cùng quyền sung Phó Quản binh đạo Huỳnh Khắc Nhượng, Võ Văn Quang, quản toán Nguyễn Học, và hương thôn Hồ Quang Chiêu (Đại Nam thực lục chép là lương thân Hồ Quang)...tổ chức cuộc phục kích đốt cháy tàu chiến này.

Ngày 11/12/1861, tàu Espérance hạ neo ở bến Nhật Tảo gần Sài Gòn nhưng thuộc tỉnh Tân An, khi đó chỉ huy tàu là trung tướng Parfait.

Nguyễn Trung Trực đã khéo bày một kế hoạch đánh phá chiến hạm Espérance rất hay. Ông tổ chức một đám cưới dùng thuyền đi trên sông, trong đó có chú rể cô dâu, họ hàng già trẻ đủ mặt và cả lễ vật. Lúc này thuyền binh của Pháp đóng ở sông Nhật Tảo có lệ khám xét các thuyền của ta qua lại và phải trình thẻ bài do chính Pháp cấp.

Khi thuyền cưới tới gần thuyền của Pháp, một người vờ lên trình thẻ bài, quân Pháp không ngờ, tức thì ông Nguyễn cùng nhóm thủ hạ nhảy lên theo đánh chém lung tung, cùng lúc đó nhiều thuyền chở rơm và bổi của nghĩa quân cũng vừa ào tới nổi lửa lên đốt tàu Pháp, quân Pháp vì không đề phòng nên bị chém chết và bị

thương vô số, trong chớp nhoáng tàu Pháp cháy to và nghĩa quân đều lội lên bờ tẩu thoát.

Giặc kêu la ầm ĩ, lửa bốc ngút trời, máy tàu nổ tan tành. Kết quả trận này quân của Nguyễn Trung Trực đã diệt 17 lính và 20 cộng sự người Việt, chỉ có 8 người trốn thoát (2 lính Pháp và 6 lính Tagal, tức lính đánh thuê Philippines, cũng còn gọi là lính Ma Ní)

Lúc đó, viên sĩ quan chỉ huy tàu là trung úy hải quân Parfait không có mặt, nên sau khi hay tin dữ, Parfait đã dẫn quân tiếp viện đến đốt cháy nhiều nhà cửa trong làng Nhật Tảo để trả thù.

Theo sau chiến thắng vừa kể, nhiều cuộc tấn công quân Pháp trên sông, trên bộ đã liên tiếp diễn ra...

❖ **Kiểm bặt Kiên Giang: Trận đồn Kiên Giang**

Sau lần đốt được tàu L'Espérance của Pháp, Nguyễn Trung Trực cùng nghĩa quân tiếp tục chiến đấu qua lại trên các địa bàn Gia Định, Biên Hòa. Khi Hòa ước Nhâm Tuất 1862 được ký, ba tỉnh miền Đông lọt vào tay thực dân Pháp, Nguyễn Trung Trực nhận chức Lãnh binh, đưa quân về hoạt động ở ba tỉnh miền Tây. Đầu năm 1867, ông được triều đình phong chức Hà Tiên thành thủ úy để trấn giữ đất Hà Tiên, nhưng ông chưa kịp đến nơi thì tòa thành này đã bị quân Pháp chiếm mất vào ngày 24 tháng 6 năm 1867. Không theo lệnh triều đình rút quân ra Bình Thuận, Nguyễn Trung Trực đem quân về lập mật khu ở Sân chim (tả ngạn sông Cái Lớn, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang). Từ nơi này, ông lại dẫn quân đến Hòn Chông (nay thuộc xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang), lập thêm căn cứ kháng Pháp.



(Tượng đài Nguyễn Trung Trực tại công viên trung tâm thành phố Rạch Giá)

Ở Kiên Giang, sau khi nắm được tình hình của đối phương và tập trung xong lực lượng (trong số đó có cả hương chức, nhân dân Việt - Hoa - Khmer); vào 4 giờ sáng ngày 16 tháng 6 năm 1868, Nguyễn Trung Trực bắt ngờ dẫn quân từ Tà Niên (nay là xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang) đánh úp đồn Kiên Giang (nay là khu vực UBND tỉnh Kiên Giang), do Trung úy Sauterne chỉ huy.

Kết thúc trận, nghĩa quân chiếm được đồn, tiêu diệt được 5 viên sĩ quan Pháp, 67 lính, thu trên 100 khẩu súng cùng nhiều đạn dược và làm chủ tình hình được 5 ngày liền.

Đây là lần đầu tiên, lực lượng nghĩa quân đánh đối phương ngay tại trung tâm đầu não của tỉnh. Nhận tin Chủ tỉnh Rạch Giá cùng vài sĩ quan khác bị giết ngay tại trận, George Diirwell gọi đây là một sự kiện bi thảm (un événement tragique).

Hai ngày sau (ngày 18 tháng 6 năm 1868), Thiếu tá hải quân A. Léonard Ausart, Đại úy Dismuratin, Trung úy hải quân Richard, Trung úy Taradel, Trần Bá Lộc, Tổng Đốc Phương nhận lệnh Bộ chỉ huy Pháp ở Mỹ Tho mang binh từ Vĩnh Long sang tiếp cứu. Ngày 21 tháng 6 năm 1868, Pháp phản công, ông phải lui quân về Hòn Chông (Kiên Lương, Kiên Giang) rồi ra đảo Phú Quốc, lập chiến khu tại Cửa Cạn nhằm kinh chống đối phương lâu dài.

❖ Ra Phú Quốc và bị bắt. Trận Cửa Cạn

Tháng 9 năm 1868, chiếc tàu Groeland chở Lãnh Binh Tấn (tức Huỳnh Văn Tấn, còn được gọi Huỳnh Công Tấn, trước có quen biết ông Trực vì cùng theo Trương Định kháng Pháp. Sau này, Tấn trở thành cộng sự cho Pháp), cùng 150 lính ở Gò Công đến đảo Phú Quốc để bao vây và truy đuổi ông Trực.

Nhà sử học Phạm Văn Sơn thuật chuyện: “Hương chức và dân trên đảo bị đội Tấn dọa phải theo và phụ lực với hắn để bao vây bọn ông Trực. Sau hai trận ghe gớm, bọn ông Trực phải trốn vào trong núi. Đội Tấn rượt theo, nghĩa quân bị kẹt trong một khe núi nhỏ hẹp. Cùng đường, bọn ông Trực phải ra hàng...”

Giám đốc Sở nội vụ Paulin Vial viết: “Nguyễn Trung Trực chịu nộp mạng, chỉ vì thiếu lương thực và vì mạng sống của bao nghĩa quân đang bị bao vây hàng tháng trời rờn rã tại Phú Quốc”

Nhưng có người lại cho rằng để bảo toàn lực lượng nghĩa quân, nhân dân trên đảo và lòng hiếu với mẹ (Pháp đã bắt mẹ của ông để uy hiếp), Nguyễn Trung Trực tự ra nộp mình cho người Pháp và đã bị đưa về giam ở Sài Gòn.

Nhưng theo lời khai ít ỏi của Nguyễn Trung Trực khi ông bị giam cầm ở Khám Lớn Sài Gòn với Đại úy Piquet, thanh tra bốn quốc sự vụ, thì sự việc như thế này, trích biên bản hỏi cung: “...Tôi cho biết rõ rằng tôi đã tự ý quy thuận lãnh binh Tấn. Vì hắn đến đảo, hắn bảo viết thư yêu cầu tôi quy hàng, vì chúng tôi bị bao vây trong núi không có gì để sống, tôi bảo một người dân trời tôi và dẫn tôi đến Tấn. Nếu tôi muốn tiếp tục chiến đấu, hắn không bắt tôi được dễ dàng như thế...”

Rất tiếc bản cáo của lãnh binh Tấn gửi cho thống đốc Nam kỳ về "việc bắt Nguyễn Trung trực và Tổng binh Côn" đã bị thất lạc từ ngày 23 tháng 5 năm 1950, vì thế sự việc chưa được tường tận.

Bắt được Nguyễn Trung Trực, Pháp đưa ông lên giam ở Khám Lớn Sài Gòn để lấy khẩu cung. Theo Việt sử tân biên, mặc dù Lãnh binh Tấn đã hết sức can thiệp để Pháp tha mạng cho ông Trực, nhưng Thống đốc Nam Kỳ G. Ohier không chịu. Vì cho rằng không thể tha được "một người đã không coi luật quốc tế ra gì, đã hạ một cái đồn của chúng ta và giết chết 30 người Pháp!" Và rồi ngày 27 tháng 10 năm 1868, nhà cầm quyền Pháp đã đưa ông Trực về lại Rạch Giá và sai một người khmer trên Tura (người dân thường gọi ông là Bòn Tura) đưa ông ra hành hình tại chợ Rạch Giá, hưởng dương khoảng 30 tuổi.

Người ta kể rằng: “Vào buổi sáng ngày 27 tháng 10 năm 1868, nhân dân Tà Niên nơi nổi tiếng về nghề dệt chiếu, và nhiều nơi khác đổ xô ra chợ Rạch Giá, vì Pháp đem Nguyễn Trung Trực ra hành quyết. Ông Trực yêu cầu Pháp mở trói, không bịt mắt để ông nhìn đồng bào và quê hương trước phút "ra đi". Bô lão làng Tà Niên đến vĩnh biệt ông, đã trải xuống đất một chiếc chiếu hoa có chữ "thọ"(chữ Hán) màu đỏ tươi thật đẹp cho ông bước đứng giữa. Ông hiên ngang, dõng dạc trước pháp trường, nhìn bầu trời, nhìn đất nước và từ giã đồng bào...



(Đền thờ Nguyễn Trung Trực ở Phú Quốc, ảnh chụp năm 2015)

Tương truyền, trước khi bị hành quyết Nguyễn Trung Trực đã ngâm một bài thơ:

*Thư kiếm từng hung tợn thiếu niên,
Yêu gian đàm khí hữu long tuyền,
Anh hùng nhược ngộ vô dung địa.
Bảo hận thâm cừu bất đãi thiên.*

Thi sĩ Đông Hồ dịch:

*Theo việc binh nhưng thuở trẻ trai,
Phong trần hăng hái tốt gươm mài.
Anh hùng gặp phải hời không đất,
Thù hận chang chang chẳng đội trời.*

❖ **Câu nói lưu danh**

Khi ông bị người Pháp giải về Sài Gòn, viên thống soái Nam Kỳ lúc bảy giờ vừa dụ hàng vừa hăm dọa, Nguyễn Trung Trực đã trả lời rằng: “Thưa Pháp soái, chúng tôi chắc rằng chùng nào ngài cho trừ hết cỏ trên mặt đất, thì mới may ra trừ tiệt được những người ái quốc của xứ sở này.”

Khi bị giam ở Khám Lớn Sài Gòn, ông cũng đã bình tĩnh nói với người hỏi cung là Đại úy Piquet: “Số phận tôi đã đầy đủ, tôi đã không thành công trong việc cứu nguy nước tôi, tôi chỉ xin một điều là người ta kết liễu đời tôi càng sớm càng tốt.”

Và trước khi hy sinh, ông còn khẳng khái nhắc lại: “Bao giờ Tây nhổ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây”



(Mộ anh hùng Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá, Kiên Giang.)

❖ **Nhớ và tôn kính ông**

Danh sĩ Nguyễn Thông viết: "Nguyễn Văn Lịch tính thâm trầm, nghiêm nghị và can đảm...". (truyện Hồ Huân Nghiệp trong Kỳ Xuyên văn sao)

Paulin Vial kể: “Trong khi Đại úy hải quân Piquet, thanh tra bản quốc sự vụ chất vấn ông Trục, ông Trục tỏ ra rất cương quyết và rất đàng hoàng chính đáng. Các câu trả lời của ông đã cho thấy một cách chính xác phẩm chất của con người đó, người đã đóng một vai trò đáng kể.”

Ở đoạn văn khác, Paulin Vial khen ngợi: “Nguyễn Trung Trục là "người rất tự trọng, có tư cách đáng quý và đầy nghị lực", là " người có gương mặt thông minh và dễ có thiện cảm" là " một người chỉ huy trẻ tuổi, rất can đảm, chống nhau với ta ngót mười năm trời.”

Alfred Schreiner cho biết: “Trong suốt thời kỳ bị giam cầm, ông Trục không có lúc nào tỏ ra yếu đuối cả, một cách thẳng thắn và đàng hoàng, ông công nhận các chiến công của ông và cũng nhận là đã khinh thường sức mạnh của Pháp. Ngoài ra, ông chỉ yêu cầu ban cho ông một ân huệ, ấy là được xử tử ông ngay tức khắc.”

Trong một bài thơ điếu, Huỳnh Mẫn Đạt có câu:

Anh hùng cường cảnh phương danh thọ

Tu sát đê đầu vị tử nhân.

Dịch nghĩa:

Anh hùng cứng cổ danh thơm mãi

Lũ sống khom lưng chết thẹn dần

Tương truyền, được tin ông thọ tử, vua Tự Đức sai hoàng giáp Lê Khắc Cẩn làm lễ truy điếu, đọc bài điếu với chính bút ngự rằng:

Ký bi ngư nhân

Hùng tại quốc sĩ

Hỏa Nhật Tảo thuyền

Đồ Kiên Giang lũy

Địch khái đồng cừ

Thân tiên tự thi

Hiệu khí cổ kim

Thủ nhân nam tư

Xích huyết hoàng sa

Ô hô dĩ hi

Huyết thực thiên thu

Chương nhữ trung nghĩa.

Thái Bạch dịch:

'Giỏi thay người chài

Mạnh thay quốc sĩ

Đốt thuyền Nhật Tảo,

Phá lũy Kiên Giang.

Thù nước chưa xong

Thân sao đã mất

Hiệu khí xưa nay

Người nam tử ấy

Máu đỏ, cát vàng

Hỡi ơi thôi vậy

Ngàn năm hương khói,

Trung nghĩa còn đây.

Và cúng chính nhà vua này đã sắc phong ông làm Thượng Đẳng Linh Thần, thờ tại làng Vĩnh Thanh Vân, Rạch Giá nơi ông đã hiên ngang thà chịu chết chứ không chịu đầu hàng Pháp. Đã rất nhiều năm qua, dân làng Vĩnh Thanh Vân, nhất là những ngư dân, luôn tôn kính và tự hào về Nguyễn Trung Trực, một người xuất thân từ giới dân chài áo vải, vậy mà đã trở thành một vị anh hùng, đứng với ý nghĩa: "Sống làm Tướng và chết làm Thần!" và "anh khí như hồng", nghĩa là khí tiết của người anh hùng rực rỡ như cầu vồng bảy sắc.

Sau khi ông bị hành hình, dân chúng cảm thương vô cùng nên đã bí mật thờ ông như một vị anh hùng trong đền thờ Nam Hải đại vương (cá Ông hay cá Voi), chính là ngôi đền thờ Nguyễn Trung Trực tại thành phố Rạch Giá hiện nay.



(Đền thần anh hùng Nguyễn Trung Trực tọa lạc tại xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.)

Và khi người Pháp không còn cai trị Việt Nam, vào năm 1970, nhân dân địa phương đã lập tượng Nguyễn Trung Trực bằng đồng, màu đen đặt trước "chợ nhà lồng" Rạch Giá (cũ). Hiện nay, tượng thờ này được sơn lại màu nâu đỏ, và đã được di dời vào trong khuôn viên khu đền thờ của ông tại thành phố Rạch Giá. Năm 2000, người ta đã cho làm một tượng mới bằng cũng bằng đồng lớn hơn, màu xám, để thay thế, và khu "chợ nhà lồng" mà sau này nó còn có tên là "Khu thương mại", cũng đã di dời nơi khác để nơi đó trở thành công viên.



(Tượng Nguyễn Trung Trực tại Phú Quốc, nơi ông bị Pháp bắt)

Nhiều tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long... nhân dân đã lập đền thờ ông và hằng năm đều có tổ chức lễ tưởng niệm trọng thể. (Đình Nguyễn Trung Trực tại Rạch Giá tổ chức lễ giỗ vào các ngày từ 27 đến 29 tháng 8 âm lịch. Đình và mộ nơi này đã được công nhận là di tích Lịch-Văn hóa cấp quốc gia vào ngày 06 tháng 12 năm 1989).

Tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, nơi diễn ra trận "Hỏa hồng Nhứt Tảo oanh thiên địa" của Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu L'Esperance của Pháp (ngay cạnh Vàm sông Nhứt Tảo), chính quyền và nhân dân đã xây dựng và khánh thành Đền Tưởng niệm Nguyễn Trung Trực trên khu đất rộng 6 ha ngày 14/10/2010.



(Đền Tưởng niệm Nguyễn Trung Trực tại Long An)

Có lẽ không có vua chúa, quan chức, hay lãnh tụ nào có công với đất nước sau khi chết được xây dựng nhiều đền thờ như Nguyễn Trung Trực, hầu hết các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long có đền thờ Nguyễn Trung Trực như: Kiên Giang, An Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu...trong tổng số gần 20 đền thờ Nguyễn Trung Trực ở đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh Kiên Giang có 9 đền thờ. Ngoài đền thờ chính còn có rất nhiều đền thờ ghép, thờ chung trong đình làng, đền, chùa. Một số nhà treo ảnh thờ riêng như thờ cửu huyền thất tổ của họ ở các tỉnh Kiên Giang, An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp...

Những hành động đức tính em cần học tập làm theo:

❖ Sống trong lòng dân

Những câu nói truyền ngôn về những ngày cuối cùng của cụ Nguyễn Trung Trực ở Phú Quốc gặp phải lúc gian nguy, khó lòng địch nổi với giặc, cụ đã gom mọi người lại bảo: “Ta tổ chức mọi người đi đánh giặc, giờ ta cho phép mọi người

được tự do về với gia đình, còn ta quyết sống chết với quân thù một trận cuối cùng. Ta không thể vì lý do gì mà đầu hàng quân giặc, ai cùng lòng với ta thì hãy xách gươm đứng dậy, chúng ta đi”. Số nghĩa quân còn khỏe mạnh sau trận ác chiến ở bến đò không quá 20 người, tất cả cùng đi với cụ. Trong trận chiến đấu này cụ tả xung hữu đột, chặt biết bao đầu giặc, cuối cùng cụ bị thương nặng, bất tỉnh, bị giặc bắt...

Khi đối phương dùng thủ đoạn bắt, giết hại dần những người dân Phú Quốc để buộc cụ xuất hiện, cụ Nguyễn Trung Trực đã chủ động ra đối mặt với kẻ thù. Đối mặt chứ không phải “nạp mình”, không phải “ra hàng” để cầu sự sống cho riêng mình. Đó là thái độ của người quân tử, dám chịu trách nhiệm, dám đối mặt với kẻ thù để dùng cái chết của mình khích lệ tinh thần nhân dân. Những câu nói bất hủ của cụ khi đối mặt với kẻ thù ở khám lớn Sài Gòn, thái độ hiên ngang của cụ khi ra pháp trường ở Rạch Giá đã chứng minh cụ đã thắng kẻ thù trong trận chiến cuối cùng.

Nghĩ kỹ hai cách nhìn khác nhau, nhưng cùng xuất phát từ tình cảm hậu thế dành cho người anh hùng: chỉ biết kính phục, chỉ biết ngợi ca, chỉ biết noi gương ông.

❖ Không thể ươn hèn

Có nhiều nguyên do về sự thất bại của anh hùng Nguyễn Trung Trực, nhưng dễ thấy nhất là sự chênh lệch quá lớn về vũ khí, phương tiện, kỹ thuật và nghệ thuật quân sự giữa một bên là quân đội viễn chinh của một cường quốc hùng mạnh với một bên là nông dân “chưa quen cung kiếm”. Những tài liệu mô tả khí giới của hai bên trong trận chiến cuối cùng ở Phú Quốc (Kiên Giang) cho thấy: “Từ ngoài khơi tàu Pháp bắn đại bác vào, mỗi phát đạn gồm hai quả cầu bằng sắt. Trên bờ nghĩa quân dùng súng gỗ bắn trả lại. Súng này làm bằng cây mù u, được đeo mắc xung quanh cho lóng, cửa thành hai miếng theo chiều dọc, khoét rộng ở bên trong rồi dùng mây rá (một loại dây rừng có nhiều ở Phú Quốc) niền lại. Sau đó lấy miếng gỗ thật chắc bịt lấy một đầu, rồi khoét lỗ nhỏ dùng để làm ngòi súng. Kế đó là lớp vải hay mồi lửa, trên cùng là viên đạn. Đạn làm bằng đất sét vò viên đem phơi khô rồi nhào với dầu rái!”.

Đó là một thế trận không tương xứng, nhưng Nguyễn Trung Trực là viên tướng trẻ tuổi đầu tiên từ Tân An đến Rạch Giá, dùng xương máu để dạy cho dân bài học cụ thể về lòng yêu nước. Cuộc tấn công đồn Rạch Giá quả là hành động táo bạo, chớp nhoáng, được chuẩn bị khá chu đáo về nội ứng, thấy có thể làm được là cứ làm, không do dự. Do dự là bỏ qua thời cơ, thời cơ chỉ thoáng hiện. Chờ đợi cho thiên thời, địa lợi, nhân hòa đầy đủ trăm phần trăm thì chỉ là thái độ ươn hèn. Ông tiếp tục việc chống ngoại xâm của tiền nhân mà sau này con cháu vẫn nối tiếp. Nét độc đáo của ông là thanh niên tính.

❖ Khí phách hiên ngang

Câu nói lưu danh khi ông bị người Pháp giải về Sài Gòn, viên thống soái Nam Kỳ lúc đó vừa dụ hàng vừa hăm dọa, ông trả lời: "Thưa Pháp soái, chúng tôi chắc rằng chừng nào ngài trừ cho hết cỏ trên mặt đất thì chúng tôi mới may ra trừ tiệt được những người ái quốc của xứ sở này".

Và trước khi hy sinh, Nguyễn Trung Trực còn khẳng khái nhắc lại: "Bao giờ Tây nhổ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây"

Bị thực dân Pháp hành hình vì “tội” yêu nước và chống lại mẫu quốc. Thời khắc bi thương đó đến nay đã gần 15 thập niên trôi qua nhưng khí phách của anh hùng Nguyễn Trung Trực khi bị kẻ thù “trảm sòng” vẫn còn sống mãi trong lòng dân tộc với nhiều giai thoại, truyền thuyết bi hùng về một vị tướng kiên trung, quả cảm, xem cái chết nhẹ tựa lông hồng khi cần hy sinh cho đất nước thì bản thân sẵn sàng.

Đó là hành động và đức tính về tấm gương anh hùng bất khuất mà mỗi học sinh chúng em cần phải học tập, noi theo. Tuổi trẻ chúng em sinh ra và lớn lên khi chiến tranh đã lùi xa, đất nước đã hoàn toàn thống nhất. Tuy không được tận mắt chứng kiến cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta, nhưng qua những trang sử mà chúng em được học, qua những thước phim tài liệu, những ca khúc cách mạng, những tác phẩm văn học, nghệ thuật, những câu chuyện kể của cha anh, âm vang hào hùng về một thời chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh nhưng rất đổi vinh quang, luôn vang vọng trong mỗi chúng em. Tự đáy lòng mình, em và những bạn bè cùng trang lứa luôn chan chứa một niềm tự hào lớn lao, mãnh liệt về lịch sử hào hùng của dân tộc ta. Càng trân trọng và tự hào về lịch sử, chúng em càng ý thức sâu sắc rằng, nền độc lập, tự do, hòa bình, thống nhất mà hôm nay chúng em có được đã phải đổi bằng xương máu, tuổi xuân, cuộc đời, hạnh phúc của biết bao lớp người đi trước. Trách nhiệm của thế hệ trẻ chúng tôi hôm nay là phải ra sức gìn giữ cho bằng được những thành quả vĩ đại đó, mỗi chúng em phải sống sao cho xứng đáng với sự hy sinh cao cả của thế hệ cha anh, xứng đáng với sự tin yêu và kỳ vọng của các thế hệ anh hùng đi trước và của cả dân tộc Việt Nam. Và chúng em xin hứa sẽ cố gắng học tập tốt, rèn luyện tốt để trở thành con ngoan trò giỏi, sau này góp sức xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp hơn.

Câu 2: Hãy tường thuật sự kiện hoặc kể lại câu chuyện có thật mà bạn tâm đắc nhất trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng tỉnh Đồng Nai.

Đại thắng mùa Xuân 1975 đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc trên đất nước ta; mở ra một kỷ nguyên mới – kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

Vào giai đoạn cuối cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, thực hiện mệnh lệnh chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước khi Người đi xa là: “Đánh cho

Mỹ cút, đánh cho nguy nhào”, từ những chiến thắng kế tiếp chiến thắng, ta đã đánh cho Mỹ cút, nhưng tập đoàn tay sai nguy cùng với âm mưu xâm lược của Mỹ vẫn còn đó. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, ta đã thực hiện thành công cách đánh chiến lược được đề ra trong suốt cuộc kháng chiến là: Đánh lui từng bước, đánh đổ từng bộ phận, tiến tới đánh đổ hoàn toàn quân địch. Nhờ có nghệ thuật chỉ đạo tác chiến chiến lược, chỉ huy tài giỏi, tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ, phát hiện sớm và nhạy bén nắm bắt thời cơ, hạ quyết tâm chính xác, kịp thời, sử dụng nghệ thuật mưu kế, thế trận trên nền tảng chiến tranh nhân dân, phát triển tiến công táo bạo và thần tốc, đánh địch bất ngờ và liên tục, nên cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975, ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn trong thời gian ngắn bằng ba đòn chiến lược – ba chiến dịch kế tiếp: Chiến dịch Tây Nguyên, Chiến dịch Huế – Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Sự kiện em tâm đắc nhất trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng tỉnh Đồng Nai đó là Chiến dịch Xuân Lộc (từ ngày 9 đến ngày 21/4/1975), chiến dịch tiến công của Quân giải phóng Miền Nam Việt Nam vào thị xã Xuân Lộc, khu vực phòng thủ trọng yếu trong tuyến phòng thủ cơ bản (Biên Hòa - Xuân Lộc - Bà Rịa - Vũng Tàu) của quân đội Sài Gòn, nhằm tiêu diệt lực lượng địch phòng giữ phía đông Sài Gòn, tạo thuận lợi cho chiến dịch Hồ Chí Minh (26-30/4/1975).

Tìm hiểu trên các tài liệu Lịch sử, kiến thức đã học và trên internet, em tường thuật lại những diễn biến của chiến dịch như sau:

❖ **Mở toang “cánh cửa thép”**

Xuân Lộc là một thị xã của tỉnh Long Khánh (thị xã Long Khánh, Đồng Nai hiện nay), rộng khoảng 2,5 km. Đây là địa bàn án ngữ những trục giao thông quan trọng như: Quốc lộ số 1, quốc lộ 20, quốc lộ 15, rất thuận lợi cho quân ta cơ động lực lượng tiến thẳng vào nội đô Sài Gòn. Xuân Lộc - Long Khánh có tầm quan trọng về địa lý, quân sự, nhằm bảo vệ Sài Gòn từ hướng đông.

Để biến Xuân Lộc thành “cánh cửa thép”, địch đã tập trung ở đây một sư đoàn bộ binh, một liên đoàn biệt động quân, một thiết đoàn xe tăng - thiết giáp, 4 tiểu đoàn pháo binh và lực lượng được tổng trừ sẵn sàng ứng trợ đặc biệt. Chính Tham mưu trưởng Lục quân Mỹ Đại tướng Frederick C. Weyand, đã trực tiếp lên Xuân Lộc thị sát và nhấn mạnh: "Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn".

Đánh giá đúng tầm quan trọng của cửa ngõ Xuân Lộc, ngày 2/4/1975, quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ Tư lệnh Miền đã quyết định mở cuộc tiến công giải phóng Xuân Lộc, nhằm tiêu diệt sư đoàn 18 ở vòng ngoài, phá âm mưu phòng ngự từ xa, phá thế phòng ngự củng cố Sài Gòn của địch, chia cắt giao thông, cô lập Sài Gòn. Nhiệm vụ tiến công Xuân Lộc được giao

cho Quân đoàn 4. Đồng chí Hoàng Cầm được giao trọng trách làm Tư lệnh chiến dịch.

Địch ở Xuân Lộc gồm Sư đoàn Bộ binh 18 (Quân đoàn 3), 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn thiết giáp, 9 tiểu đoàn bảo an; được chi viện hỏa lực pháo binh, máy bay; trong quá trình chiến đấu được tăng viện Lữ đoàn dù 1, Trung đoàn bộ binh 8 (Sư đoàn 5), 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn thiết giáp.

Lực lượng Quân giải phóng miền Nam Việt Nam gồm: Quân đoàn 4 (thiếu Sư đoàn 9), Sư đoàn bộ binh 6 (Quân khu 7), 1 trung đoàn tăng, thiết giáp, 1 trung đoàn pháo binh; cuối chiến dịch được tăng cường Trung đoàn 95B (Sư đoàn bộ binh 325) và 1 đại đội xe tăng.

5 giờ 30 phút ngày 9/4, chiến dịch mở màn, ta đồng loạt nổ súng tiến công Xuân Lộc và Tiểu khu Long Khánh. Tuy nhiên, chỉ có Sư đoàn 6 tập kích chiếm 6 chốt của địch và làm chủ một đoạn Quốc lộ 1 từ Hưng Nghĩa đến đèo Mẹ Bồng Con. Ngày 10/4, ta tiếp tục đột phá Xuân Lộc, chiếm sân bay, đánh thiệt hại nặng Trung đoàn 43 (Sư đoàn 18), đánh Lữ đoàn dù 1 vừa đổ xuống Tân Phong. Địch phải điều thêm 1 liên đoàn biệt động quân, Trung đoàn 8 (Sư đoàn bộ binh 5)... tăng viện cho Xuân Lộc. Ngày 11/4, ở thị xã Xuân Lộc, trên các hướng ta và địch giằng co quyết liệt. Ở hướng chia cắt Sư đoàn 6 tổ chức tiến công Tiểu đoàn 1 của chiến đoàn 52, nhưng diệt không gọn.



Tiếp quản Tiểu khu Long Khánh (Nguồn: Internet)



Quân giải phóng làm chủ Long Khánh (20/4/1975)

Quyết giữ Xuân Lộc, ngày 12/4/1975, địch tăng cường thêm Lữ đoàn 1 dù, Lữ đoàn 3 thiết giáp, Chiến đoàn 3 (Sư đoàn 5), Liên đoàn biệt động quân, các Trung đoàn thiết giáp số 315, 318, 320; toàn bộ hỏa lực pháo binh của Quân đoàn 3 và của không quân từ 2 sân bay Biên Hòa và Tân Sơn Nhất trực tiếp tham gia chi viện các mũi phản kích; thậm chí địch còn sử dụng cả loại bom cháy CBU mà thế giới cấm sử dụng để đối phó với ta. Như vậy, lực lượng địch ở Xuân Lộc - Long Khánh đã chiếm đến 50% bộ binh và 60% pháo binh, hầu hết số lượng xe tăng, xe thiết giáp của Quân đoàn 3 và lực lượng tổng dự bị chiến lược (tương đương 1 sư đoàn) của Quân đội Sài Gòn.

Sự biến động lớn về tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch tại Xuân Lộc đã khiến chiến sự tại đây trở nên hết sức căng thẳng, quyết liệt. Qua 3 ngày chiến đấu, mặc dù ta đã chiếm được một số mục tiêu, diệt một bộ phận sinh lực địch và giữ được một số địa bàn quan trọng nhưng ta vẫn chưa tiêu diệt gọn được một tiểu đoàn nào của địch, hơn nữa bộ đội ta bị thương vong nhiều, buộc phải có phương án thay thế. Do đó, ngày 13/4/1975, Bộ Tư lệnh Chiến dịch quyết định ngừng tiến công, chuyển từ phương án tiến công trực diện sang đánh bao vây, chia cắt, mỗi sư đoàn chỉ để lại một tiểu đoàn kiểm chế, nghi binh địch, còn đại bộ phận lực lượng lui về tuyến sau để củng cố, cơ động theo phương án mới.

Ngày 15/4/1975, các đơn vị ta được pháo binh chi viện tiến công giải phóng hoàn toàn Chi khu Gia Kiệm, ngã ba Dầu Giây, cắt đứt quốc lộ 1 (đoạn Xuân Lộc - Bàu Cá) và quốc lộ 20 (đoạn Túc Trưng - ngã ba Dầu Giây), bao vây, cô lập thị xã Xuân Lộc. Để cứu vãn tình hình, trong hai ngày (16 và 17/4), Bộ Chỉ huy Quân đoàn 3, Quân đội Việt Nam Cộng hòa tức tốc điều Lữ đoàn 3 thiết giáp, Chiến đoàn 8 (Sư đoàn 5), với hơn 100 khẩu pháo cỡ lớn ở các căn cứ: Nước Trong, Hố Bà Thước, Long Bình, Đại An và 125 lần chiếc máy bay chiến đấu chi viện mỗi

ngày, thực hiện phản kích hòng chiếm lại Dầu Giây. Các trận đánh diễn ra ác liệt ở Hung Nghĩa, điểm cao 122, lực lượng địch bị đẩy lùi về Bàu Cá.

Cùng thời gian này, Cánh quân Duyên hải đã đập tan “lá chắn thép” Phan Rang, giải phóng Phan Thiết, Hàm Tân; đồng thời, tiến vào khu vực Rừng Lá, uy hiếp trực tiếp Xuân Lộc. Trong khi đó, tại khu vực Xuân Lộc, Sư đoàn 7 và Sư đoàn 341 tiếp tục tiến công, đánh bại các chiến đoàn 43 và 48, tiêu hao nặng Lữ đoàn 1 dù của địch. Phát huy thắng lợi của các đơn vị chủ lực, bộ đội địa phương và du kích nhanh chóng tiêu diệt, bức hàng, bức rút hệ thống đồn bốt địch ở dọc các trục giao thông và vùng ven thị xã.

Trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội Việt Nam Cộng hòa ra lệnh rút quân khỏi Xuân Lộc để bảo toàn lực lượng. Để khỏi bị truy diệt, ngày 20/4/1975, địch huy động hàng chục khẩu pháo đặt ở các căn cứ Nước Trong, Trảng Bom bắn hàng trăm quả đạn vào trận địa Quân đoàn 4 đang chốt giữ để nghi binh thu hút sự chú ý của ta; đồng thời, lợi dụng trời mưa lớn, toàn bộ quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy về Bà Rịa - Vũng Tàu theo hướng Quốc lộ 2. Mặc dù Bộ Tư lệnh Chiến dịch đã triển khai phương án truy kích địch nhưng ta cũng chỉ kịp chặn đánh được bộ phận đi sau cùng và bắt sống tình trạng Long Khánh.



Quân giải phóng làm chủ, áp giải tù binh tại Tiểu khu Long Khánh ngày 21-4-1975. (Nguồn: Internet)

Ngày 21/4/1975, Chiến dịch tiến công Xuân Lộc kết thúc thắng lợi, thị xã Xuân Lộc và toàn tỉnh Long Khánh được hoàn toàn giải phóng. Kết quả ta đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 18, Lữ đoàn dù 1, loại khỏi chiến đấu Trung đoàn 52 (Sư đoàn 18), uy hiếp tuyến Biên Hòa - Hồ Nai.

❖ Tạo thời cơ lịch sử, giải phóng Sài Gòn

Việc chọn địa bàn và thời điểm mở chiến dịch tiến công Xuân Lộc - Long Khánh là hoàn toàn đúng đắn, cần thiết và rất kịp thời trong thời điểm lịch sử chuyển biến hết sức mau lẹ của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Chiến dịch tiến công thắng lợi đã đập tan “cánh cửa thép” án ngữ cửa ngõ phía

đông Sài Gòn, làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch quanh Sài Gòn, làm suy sụp nhanh thêm tinh thần chiến đấu của quân nguy còn lại trên toàn miền Nam.

Xuân Lộc - Long Khánh được giải phóng, kế hoạch quân sự của Mỹ - nguy bị đảo lộn, theo đó âm mưu chính trị cũng tan vỡ theo. Thắng lợi của chiến dịch đã tạo ra một địa bàn tập kết thuận lợi, làm bàn đạp xuất phát tiến công của Cánh quân hướng Đông - một trong 5 mũi chủ lực cơ động của đội hình chiến dịch mang tên Bác Hồ kính yêu tiến vào giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Sau khi “cánh cửa thép” Xuân Lộc tan rã, một loạt sự kiện liên quan đã liên tiếp diễn ra. Ngay tối ngày Xuân Lộc được giải phóng, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức và hai ngày sau đó thì trốn chạy khỏi Sài Gòn. Bên kia bờ đại dương, ngày 23/4/1975, Tổng thống Mỹ Gerald Ford tuyên bố “Cuộc chiến tại Việt Nam đã chấm dứt đối với người Mỹ”.

Mặt trận hướng Đông được khai thông, các cánh quân rầm rập tiến về Sài Gòn với khí thế không gì lay chuyển nổi. “Cánh cửa thép” Xuân Lộc bị phá đã mở toang cánh cửa cho đại quân ta mở Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, tiến vào giải phóng Sài Gòn, xông thẳng vào sào huyệt cuối cùng của chế độ Mỹ - nguy, góp phần vào thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc thắng lợi sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước oanh liệt của dân tộc Việt Nam.

❖ **Từ Chiến thắng Xuân Lộc đã rút ra nhiều bài học giá trị:** Đó là cách quán triệt ý đồ chiến lược của Trung ương Đảng, hạ quyết tâm kịp thời, chính xác; biết tổ chức và sử dụng lực lượng tại chỗ, phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân; trong chỉ đạo, chỉ huy kịp thời, nhạy bén, linh hoạt; phát huy thế tiến công chiến lược, chớp thời cơ giành thắng lợi. Chiến thắng Xuân Lộc là một trong những điểm nhấn của mùa Xuân toàn thắng 1975.

Ngày nay, “Cánh cửa thép” của Đồng Nai giờ đã trở thành 2 huyện, thị đầu tiên trong cả nước đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới. Mảnh đất thép đang ngày càng thay da đổi thịt nhờ vào ý chí kiên cường, tiếp nối truyền thống của thế hệ cha anh đi trước, không khuất phục trước gian khó của các thế hệ hôm nay. Là người con của đất Đồng Nai, em càng tự hào về truyền thống vẻ vang của thế hệ cha anh và tự hứa sẽ ra sức phấn đấu học tập thật giỏi để góp sức xây dựng Tỉnh nhà trong thời đại mới.

Vĩnh An, ngày 14 tháng 10 năm 2016

Người dự thi

Trần Anh Kiệt